

Số: 04/KL-T.Tr

Bình Phước, ngày 04 tháng 4 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và khai thác một số công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 70/QĐ-T.Tr ngày 10/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và khai thác một số công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Phước (viết tắt là Đoàn thanh tra số 70/QĐ-T.Tr).

Từ ngày 16/10-17/12/2024, Đoàn thanh tra số 70/QĐ-T.Tr đã tiến hành thanh tra tại các đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (viết tắt là Ban QLDA ĐTXD tỉnh), Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước (viết tắt là Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước; UBND các huyện, thị xã: Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú.

Xét kết quả thanh tra tại Báo cáo số 09/BC-ĐT.Tr ngày 05/02/2025 của Trưởng đoàn thanh tra số 70/QĐ-T.Tr, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

PHẦN A. KHÁI QUÁT CHUNG

Thực hiện Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, tỉnh Bình Phước triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh với mục tiêu: Cải thiện điều kiện cung cấp nước sạch, vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- **Chủ đầu tư:** Để triển khai thực hiện các dự án cấp nước sinh hoạt tập trung (CNSHTT) được cấp có thẩm quyền giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (viết tắt là Sở NN&PTNT) là chủ đầu tư và giao các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, cụ thể: Thời điểm từ ngày 22/11/2010 trở về trước, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án ngành NN&PTNT; từ ngày 23/11/2010-01/12/2016, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư là Ban quản lý các dự án Nước sạch và Vệ sinh môi trường.

+ Từ ngày 02/12/2016-16/12/2018, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT tỉnh Bình Phước (trực thuộc UBND tỉnh theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 02/12/2016).

+ Từ ngày 17/12/2018 đến nay, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (trực thuộc UBND tỉnh theo Quyết định số 2853/QĐ-UBND tỉnh ngày 17/12/2018).

- Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây dựng 42 công trình CNSHTT (có 03/42 công trình do Bộ NN&PTNT làm chủ đầu tư):

+ Tổng mức đầu tư 39/42 công trình: 266.228.789.993 đồng.

+ Giá trị đề nghị quyết toán 39/42 công trình: 200.576.923.396 đồng.

(1) Đã quyết toán 36/39 công trình, giá trị phê duyệt quyết toán: 188.776.021.016 đồng.

(2) Chưa quyết toán 03/39 công trình: Tổng giá trị đề nghị quyết toán 11.194.235.000 đồng.

- **Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** Nguồn vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia Trung ương, vốn Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán; vốn bồi thường và tái định cư Dự án Thuỷ lợi Phước Hoà.

PHẦN B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ngày 24/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, Nghị định có hiệu lực ngày 08/8/2022. Ngày 20/10/2022, UBND tỉnh ban hành Công văn số 3229/UBND-KT về việc triển khai thực hiện Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, trên cơ sở này, Sở NN&PTNT đã tham mưu thành lập đoàn liên ngành và hoàn thành công tác đánh giá thực trạng các công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn tại các Báo cáo số 443/BC-SNN-TL ngày 29/12/2023, Báo cáo số 200/BC-SNN-TL ngày 01/7/2024 của Sở NN&PTNT và được Sở tổng hợp tại Báo cáo số 347/BC-SNN-TL ngày 04/11/2024 về việc rà soát phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, kết quả: Có 14 công trình CNSHTT ngừng hoạt động và chưa đi vào hoạt động.

Để đánh giá hiệu quả của công tác quản lý, sử dụng và khai thác các công trình CNSHTT (gọi tắt là công trình) trên địa bàn tỉnh. Do các công trình được xây dựng xây dựng đã lâu, trải rộng khắp các huyện, thị xã trên địa bàn toàn tỉnh, Đoàn Thanh tra số 70/QĐ-T.Tr chỉ tiến hành kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và khai thác trên địa bàn các huyện, thị xã¹ có 14/42 công trình² ngừng hoạt động, chưa đi vào hoạt động theo kết quả rà soát của Sở NN&PTNT tại Báo cáo số 347/BC-SNN-TL ngày 04/11/2024, đồng thời chọn 01 công trình hoạt động có hiệu quả do Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý, sử dụng và khai thác (*Phụ lục số 01 kèm theo*) và công tác quyết toán của 03 công trình³ đã nghiệm thu hoàn thành bàn

¹ UBND cấp huyện: Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú.

² Trong đó bao gồm cả 12 công trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 329/UBND-NC ngày 31/8/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 52-TB/BCĐ ngày 27/8/2024 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh.

³ 02 công trình sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Đức, huyện Hớn Quản; xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng và công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Phước, huyện Đồng Phú.

giao cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác nhưng chưa được thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

- Thời kỳ thanh tra: Giai đoạn khảo sát để xây dựng công trình; giai đoạn bàn giao công trình để quản lý, sử dụng và khai thác đến nay.

- Giới hạn thanh tra: Đoàn Thanh tra kiểm tra trên cơ sở báo cáo của các đơn vị; các văn bản, tài liệu do đơn vị cung cấp; kết quả làm việc với các đơn vị; báo cáo giải trình của đơn vị; kiểm tra thực tế một số công trình; không đối chiếu hồ sơ, sổ sách, chứng từ thu, chi liên quan đến hoạt động thu, chi tiền dịch vụ từ cung cấp nước sạch; không đối chiếu hồ sơ thanh, quyết toán công trình.

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CNSHTT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Cơ sở pháp lý, việc triển khai văn bản

Thực hiện Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020 và các văn bản liên quan đến: Chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung⁴....của Trung ương. Trên cơ sở đó, các cấp (UBND tỉnh, UBND cấp huyện) đã ban hành các văn bản⁵ để triển khai, thực hiện. Tuy nhiên, một số UBND huyện, thị xã⁶ triển khai các văn bản chưa đầy đủ (*Phụ lục số 02 kèm theo*).

2. Việc phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia quản lý, sử dụng và khai thác công trình

Thực hiện công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã phân cấp quản lý cho Sở NN&PTNT⁷, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị

⁴ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn. Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 về việc phê duyệt CTMT quốc gia nước sạch và vệ sinh nông thôn giai đoạn 2012-2015. Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Công văn số 4546/BNN-TCTL ngày 02/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo thực hiện nội dung cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

⁵ Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013. Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 phê duyệt Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2012-2015. Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 10/10/2014 phê duyệt Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2016-2020. Công văn số 378/UBND-KT ngày 15/2/2017 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016. Công văn số 2421/UBND-KT ngày 25/7/2017 về việc triển khai thực hiện nội dung cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch Cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 triển khai thực hiện theo Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Chính phủ và Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

⁶ Bù Gia Mập, Hớn Quản, Bình Long.

⁷ Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cung cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn toàn tỉnh và quản lý nguồn vốn nhà nước hỗ trợ theo quy định tại quyết định này.

xã⁸ thực hiện các nội dung tại Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND⁹, Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014¹⁰ của UBND tỉnh. Tuy nhiên, đến năm 2017, các nội dung không còn phù hợp với Luật Đầu tư năm 2014 và các văn bản pháp luật khác có liên quan nên UBND tỉnh ban hành Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND nêu trên. Từ năm 2017 đến nay, Sở NN&PTNT cho rằng các quy định tại các văn bản của Trung ương¹¹ đã quy định, hướng dẫn cụ thể và chi tiết các nội dung liên quan quản lý nhà nước về nước sạch nông thôn. Do đó, Sở NN&PTNT nhận thấy không cần thiết tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình, hạ tầng nước sạch triển khai đến UBND cấp huyện.

Như vậy, trong công tác quản lý Nhà nước đối với việc thực hiện các nội dung theo phân cấp thẩm quyền, Sở NN&PTNT và UBND các huyện, thị xã được kiểm tra chưa thực hiện hết các nội dung tại Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh đến khi 02 văn bản này hết hiệu lực (được bãi bỏ tại Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 19/10/2017).

Mặt khác, Đoàn thanh tra nhận thấy theo quy định tại Điều 4¹² Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022, việc quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị (Sở NN&PTNT, Sở Tài chính...) và các cấp chính quyền địa phương (UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã), vì vậy cần được phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan phù hợp với quy mô tài sản và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương.

3. Công tác khảo sát để đầu tư xây dựng các công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh

Do thời gian có hạn và công tác khảo sát có nhiều nội dung khảo sát, Đoàn Thanh tra số 70/QĐ-T.Tr chỉ tiến hành tập trung kiểm tra đối với nội dung khảo sát nhu cầu, vị trí để đầu tư xây dựng các công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh.

Qua kiểm tra đối với hồ sơ khảo sát nhu cầu, vị trí để xây dựng 15 công trình: Trước khi tiến hành đầu tư xây dựng công trình, đơn vị được giao thực hiện nhiệm

⁸ Quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực nước sạch nông thôn...thực hiện thu hồi vốn đầu tư của nhà nước....Định kỳ kiểm tra đột xuất hoạt động của công trình cấp nước...Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, thị xã và UBND xã, thị trấn thực hiện các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn xã hội...Chỉ đạo UBND cấp xã, thị trấn thực hiện quy trình tham gia ý kiến....tổ chức thực hiện dịch vụ cấp nước sạch nông thôn theo quy định pháp luật.

⁹ Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn tỉnh Bình Phước.

¹⁰ Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn tỉnh Bình Phước.

¹¹ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 có hiệu lực (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC). Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

¹² Điều 4: UBND cấp tỉnh quyết định giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch) đảm bảo thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan phù hợp với quy mô tài sản và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương

vụ chủ đầu tư phối hợp với địa phương (UBND cấp xã, Phòng NN&PTNT cấp huyện) và các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát nhu cầu, vị trí để đầu tư xây dựng công trình: Có 08/15 công trình có hồ sơ khảo sát vị trí; 07¹³/15 công trình thiếu hồ sơ khảo sát vị trí, do quá trình khi hợp nhất, sáp nhập cơ quan đơn vị, di chuyển hồ sơ nhiều lần, dẫn đến hồ sơ bị thất lạc. Do đó, Đoàn không kiểm tra nội dung này.

4. Việc bàn giao công trình cho đơn vị quản lý

Tổng số công trình CNSHTT được đầu tư xây dựng 42 công trình¹⁴. Các công trình được xây dựng, nghiệm thu hoàn thành bàn giao cho các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác: 41 công trình¹⁵, còn 01 công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú chưa bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác. Cụ thể:

4.1. Trước ngày 01/7/2013, việc thực hiện bàn giao công trình cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ: Tổng số công trình bàn giao 26 công trình¹⁶. Do thời gian xây dựng công trình đã lâu, hồ sơ không đầy đủ, Đoàn thanh tra ghi nhận nội dung theo báo cáo của Sở NN&PTNT, không đối chiếu hồ sơ.

4.2. Từ ngày 01/7/2013, việc thực hiện bàn giao công trình cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính¹⁷. Tổng số công trình phải bàn giao: 15 công trình (Trong đó: Đã bàn giao 14 công trình¹⁸; chưa bàn giao 01 công trình¹⁹, chỉ thực hiện tạm bàn giao từ năm 2012 đến nay). Quá trình bàn giao công trình, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư không mời UBND cấp huyện tham gia bàn giao một số công trình cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai

¹³ Công trình thôn Phước Lộc, xã Phước Sơn, công trình xã Phú Sơn, công trình thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng; công trình xã Tân Phước, huyện Đồng Phú; công trình xã Minh Long, công trình khu TĐC 10ha Thủy lợi Phước Hòa xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành; công trình Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh.

¹⁴ Hồ sơ xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD tỉnh lưu trữ 39 công trình (Biên bản ngày 22/01/2019 về việc bàn giao Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT tỉnh Bình Phước cho Ban QLDA ĐTXD tỉnh) do Sở NN&PTNT làm chủ đầu tư, Sở NN&PTNT lưu trữ 03 công trình do Bộ NN&PTNT làm chủ đầu tư.

¹⁵ Trong đó: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước quản lý 19 công trình; UBND cấp xã, cấp huyện quản lý 22 công trình.

¹⁶ 26 công trình: Chơn Thành 03 công trình (xã Minh Lập, xã Minh Long, Nha Bích), Hớn Quản 02 công trình (xã Minh Đức, xã Tân Khai), Bù Đăng 08 công trình (thôn Bù Xa xã Phước Sơn, thôn Phước Lộc xã Phước Sơn, thôn 2 xã Đức Liễu, Đa bông Cua xã Thống Nhất, xã Bom Bo, xã Phú Sơn, thị trấn Đức Phong, Hồ Ông Thoại xã Nghĩa Trung), thị xã Bình Long 02 công trình (xã Thanh Lương, ấp Sock Bể xã Thanh Phú), Bù Đốp 02 công trình (xã Tân Tiến, xã Phước Thiện), Bù Gia Mập 02 công trình (thôn Tân Lập xã Phú Nghĩa, thôn Bù Lư xã Bù Gia Mập), Phú Riềng 01 công trình (xã Long Hà), Đồng Phú 04 công trình (xã Tân Tiến, ấp Pa Pếch xã Tân Hưng, xã Thuận Lợi, xã Tân Phước), Lộc Ninh 02 công trình (xã Lộc Thiện, Hồ Rừng Cẩm xã Lộc Tấn).

¹⁷ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013¹⁷ của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC.

¹⁸ 15 công trình: Chơn Thành 01 công trình (khu tái định cư 10 ha xã Nha Bích), thị xã Bình Long 01 công trình (xã Thanh Phú), Bù Đốp 04 công trình (xã Tân Thành, thị trấn Thanh Bình, xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước), Bù Gia Mập 01 công trình (thôn Bù Rên xã Bù Gia Mập), Lộc Ninh 03 công trình (liên xã Lộc Thái và Lộc Hưng, xã Lộc Hiệp, khu tái định cư Tà Thiết xã Lộc Thành), thị xã Phước Long 01 công trình (xã Phước Tín), Hớn Quản 01 công trình (xã An Khương), Phú Riềng 01 công trình (xã Bù Nho và Long Tân), Bù Đăng 02 công trình (xã Minh Hưng, xã Thọ Sơn).

¹⁹ Công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú tạm bàn giao cho Công ty Cổ phần TV&XD Miền Nam theo Công văn số 37/BQLNS ngày 06/4/2012 của Ban QLCA Nước sạch và VSMTNT về việc quản lý vận hành công trình CNSHTT xã Tân Lập, huyện Đồng Phú.

thác dẫn đến UBND cấp huyện không nắm được các công trình trên địa bàn huyện quản lý để thực hiện công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

*** Nguyên nhân công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú chưa được bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác:**

Công trình xã Tân lập, huyện Đồng Phú được đầu tư, xây dựng xong đi vào khai thác từ năm 2012, trong quá trình xây dựng phương án bàn giao công trình Ban QLCSDA Nước sạch và VSMTNT ban hành Công văn số 37/BQLNS ngày 06/4/2012 về việc tạm bàn giao việc quản lý, vận hành công trình CNSHTT xã Tân Lập, huyện Đồng Phú cho Công ty Cổ phần TV&XD Miền Nam (là một trong hai đơn vị thi công công trình).

Đến ngày 03/10/2013, UBND tỉnh ban hành Công văn số 3179/UBND-KTN về việc thuận chủ trương xã hội hóa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: “*Giao Sở NN&PTNT triển khai thực hiện việc xã hội hóa công trình trên đúng quy định hiện hành*”. Tuy nhiên, Sở NN&PTNT chậm triển khai việc thực hiện.

Đến năm 2018, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục ban hành Công văn số 158/VPUBND-KT ngày 17/01/2018 về việc xã hội hóa dự án cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước: “*Giao Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp các ngành liên quan, UBND huyện Đồng Phú tham mưu UBND tỉnh giải quyết theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3179/UBND-KTN ngày 17/9/2013*”. Thời điểm này, Sở NN&PTNT tiến hành các bước²⁰ để thực hiện nhưng quá trình thực hiện đến nay do khó khăn, vướng mắc khi Bộ Tài chính ban hành các văn bản liên quan²¹ nên việc xã hội hóa vẫn chưa thực hiện được và tạm dừng lại.

Mặc dù Sở NN&PTNT giải trình, việc đến thời điểm hiện nay, Sở NN&PTNT chưa tham mưu UBND tỉnh bàn giao công trình do khó khăn, vướng mắc về các quy định có liên quan thay đổi liên tục, việc thay đổi nhân sự trong Ban Lãnh đạo Sở NN&PTNT; việc xã hội hóa trong quản lý, sử dụng và khai thác công trình CNSHTT chưa có tiền lệ nên lúng túng trong việc triển khai, áp dụng các quy định (*Phụ lục số 03 kèm theo*). Tuy nhiên, Đoàn Thanh tra nhận thấy, công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2012, công trình tiếp tục được đầu tư sửa chữa nâng cấp năm 2017, đến thời điểm hiện nay (hơn 12 năm), Sở NN&PTNT đã triển khai một số nội dung nhưng chưa tham mưu UBND tỉnh phương án giao công trình xã Tân Lập (*trong trường hợp các quy định không còn phù hợp như do thời gian đã lâu, văn bản quy định có sự thay đổi, Sở NN&PTNT phải báo cáo UBND tỉnh có phương án xử lý phù hợp với quy định hiện hành*) là chậm triển khai thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của UBND tỉnh dẫn đến việc tài sản của Nhà nước đầu tư xây dựng công trình chưa được xử lý (hiện nay đơn vị tiếp nhận tài sản công trình (tạm giao) là Sở

²⁰ Kiểm tra hiện trạng công trình (Biên bản làm việc ngày 15/5/2018); xây dựng phương án và được thẩm định tại Báo cáo số 135/BC-TL ngày 18/6/2018 của Chi cục Thủy lợi; thành lập tổ soạn thảo xây dựng đề án quy định việc kêu gọi và lựa chọn doanh nghiệp tư nhân tham gia quản lý khai thác và bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo hình thức xã hội hóa tại Quyết định số 452/QĐ-SNN ngày 12/10/2018.

²¹ Công văn số 102/QLCS-TSHT ngày 10/10/2018 của Cục Công sản-Bộ Tài chính trả lời Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 10253/BTC-QLCS về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và khai thác công trình nước sạch nông thôn tập trung.

NN&PTNT). Hiện nay Sở NN&PTNT đang xây dựng phương án giao công trình theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

Như vậy, giai đoạn này, Sở NN&PTNT đã chậm triển khai thực hiện dẫn đến việc chưa tham mưu UBND tỉnh bàn giao công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú là chậm thực hiện các nội dung UBND tỉnh giao.

4.3. Từ ngày 08/8/2022 đến nay, việc thực hiện bàn giao công trình cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác theo Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có hiệu lực. Giai đoạn này, có 01 công trình được bàn giao cho UBND xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành quản lý, sử dụng và khai thác: Công trình CNSHTT 10 ha Nha Bích²².

5. Cơ sở dữ liệu về công trình

Sở NN&PTNT đã thực hiện nhập 42/42 công trình vào phần mềm quản lý công trình nước sạch nông thôn của Cục Quản lý Công sản-Bộ Tài chính quản lý tại địa chỉ <https://ctns.mof.gov.vn/> và được Sở Tài chính phê duyệt 42/42 công trình. Tuy nhiên, Sở NN&PTNT không gửi hồ sơ bản giấy thông tin các công trình đến Sở Tài chính và Sở Tài chính không yêu cầu gửi hồ sơ bản giấy thông tin các công trình theo khoản 3 Điều 19 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, Công văn số 749/UBND-TH ngày 08/4/2022 về xử lý trích khấu hao TSCĐ các công trình cấp nước nông thôn và Công văn số 3432/UBND-TH ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý tài sản công.

6. Việc vận hành, khai thác công trình

- Các đơn vị được giao quản lý khai thác tự thực hiện công tác vận hành, khai thác công trình. Hàng năm, Sở NN&PTNT đã phối hợp với các địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá các công trình theo Biểu mẫu quy định của Bộ NN&PTNT, tổng hợp kết quả trình UBND tỉnh ban hành các quyết định²³ phê duyệt kết quả thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, trong

²² Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh về việc giao công trình cho UBND xã Nha Bích quản lý.

²³ Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 phê duyệt kết quả thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2010. Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 phê duyệt kết quả thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và VSMTNT tỉnh Bình Phước năm 2011. Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 phê duyệt kết quả cập nhật Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và VSMTNT tỉnh Bình Phước năm 2012. Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 phê duyệt kết quả thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và VSMTNT tỉnh Bình Phước năm 2014. Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và VSMTNT tỉnh Bình Phước năm 2015, 2016. Quyết định số 3450/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Phước đến năm 2017. Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Phước đến năm 2018. Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 về việc công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Bình Phước đến cuối năm 2019. Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 về việc công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Bình Phước đến năm 2020. Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 về việc công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Bình Phước, đến cuối năm 2021. Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 về việc công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Bình Phước, đến năm 2022. Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 về việc công bố số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Bình Phước năm 2023.

đó có cập nhật mô hình quản lý, loại hình và hiệu quả, mức độ bền vững của từng công trình trên địa bàn tỉnh qua các năm²⁴.

Mặt khác, trong năm 2010, nhằm nâng cao kỹ năng vận hành công trình cho cán bộ quản lý, Sở NN&PTNT phối hợp với Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tổ chức lớp tập huấn công tác quản lý, vận hành và khai thác công trình cho cán bộ phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế và cán bộ trực tiếp quản lý, vận hành và khai thác tại các công trình trên địa bàn tỉnh. Sau khi hoàn thành khóa học, các học viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn quản lý, vận hành và khai thác công trình CNSHTT.

7. Công tác khấu hao công trình

- Trước năm 2021, Sở NN&PTNT chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt thời gian trích khấu hao tài sản cố định đối với 42 công trình CNSHTT; do đó, các đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình không thực hiện khấu hao các công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 21 tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013.

- Từ năm 2021, thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII²⁵ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, 2023 đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước và các văn bản chỉ đạo triển khai, thực hiện của UBND tỉnh²⁶, Sở NN&PTNT tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 phê duyệt thời gian trích khấu hao tài sản cố định cấp nước sạch tập trung nông thôn do Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý (19 công trình). Ngày 28/02/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 452/QĐ-UBND phê duyệt phương án trích khấu hao tài sản cố định các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn do Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý.

²⁴ (1) Năm 2015 và 2016: Công trình thôn Bù Xa và thôn Phước Lộc xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng ngừng hoạt động. (2) Năm 2017: Công trình xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài; công trình xã Minh Long, huyện Chơn Thành; công trình xã Thuận Lợi và xã Tân Phước, huyện Đồng Phú ngừng hoạt động. (3) Năm 2018: Công trình xã Minh Long, huyện Chơn Thành; công trình xã Thuận Lợi và xã Tân Phước huyện Đồng Phú; công trình xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp ngừng hoạt động. (4) Năm 2019: Công trình xã Minh Lập và Minh Long, huyện Chơn Thành, công trình xã Phước Thiện và Hưng Phước, huyện Bù Đốp; công trình xã Thuận Lợi và xã Tân Phước, huyện Đồng Phú ngừng hoạt động. (5) Năm 2020: Công trình xã Minh Lập và Minh Long huyện Bù Đăng, công trình xã Lộc Thiện và xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh ngừng hoạt động; công trình Tà Thiết huyện Lộc Ninh chưa đi vào hoạt động. (6) Năm 2021: Công trình ấp Sock Bể, xã Thanh Phú và xã Thanh Phú, thị xã Bình Long; công trình xã Minh Lập và Minh Long, huyện Chơn Thành; công trình xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp; công trình xã Phú Sơn và thôn 2 xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng; công trình xã Thuận Lợi và xã Tân Phước, huyện Đồng Phú; công trình xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh ngừng hoạt động; công trình Tà Thiết, huyện Lộc Ninh chưa đi vào hoạt động. (7) Năm 2022: Công trình ấp Sock Bể, xã Thanh Phú và xã Tân Thanh Phú, thị xã Bình Long; công trình xã Minh Lập và Minh Long, huyện Chơn Thành; công trình xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp; công trình xã Phú Sơn và thôn 2 xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng; công trình xã Thuận Lợi và xã Tân Phước, huyện Đồng Phú; công trình xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh ngừng hoạt động; công trình Tà Thiết, huyện Lộc Ninh chưa đi vào hoạt động. Trong số 11 công trình nêu trên có 10/11 công trình do UBND xã quản lý, sử dụng và khai thác; 01/11 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung được xây dựng theo tiêu chuẩn vốn vay ADB tại các khu tái định cư. Sau khi xây dựng hoàn thành công trình cấp nước do khu tái định cư chưa có người dân đến sinh sống nên công trình chưa đi vào hoạt động để cấp nước.

²⁵ Thông báo số 473/TB-KVXIII về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước. Thông báo số 303/TB-KV-XIII ngày 26/8/2024 kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước.

²⁶ Công văn số 749/UBND-TH ngày 08/4/2022 về xử lý trích khấu hao TSCĐ các công trình cấp nước nông thôn. Công văn số 3998/UBND-TH ngày 02/10/2024 đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023.

Đối với các công trình còn lại (22/42 công trình), Sở NN&PTNT chưa tham mưu²⁷ UBND tỉnh phê duyệt thời gian trích khấu hao các công trình theo Điều 21 Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Điều 8 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch dẫn đến việc tài sản của Nhà nước đầu tư xây dựng công trình chưa được xử lý (*trong đó có các công trình hiện nay đã ngừng hoạt động nhưng vẫn chưa được xử lý về mặt tài sản của nhà nước đầu tư xây dựng công trình*). Đến ngày 12/3/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau khi sáp nhập giữa Sở NN&PTNT và Sở TN&MT) ban hành văn bản²⁸ gửi Sở Tài chính và các đơn vị liên quan lấy ý kiến dự thảo quyết định phê duyệt tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

- Quá trình thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, khi bàn giao công trình cho UBND cấp xã (22 công trình) và Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước (19 công trình), Sở NN&PTNT không hướng dẫn cho các đơn vị thực hiện báo cáo kê khai công trình; khấu hao, hạch toán tài sản cố định theo quy định.

8. Việc điều chuyển công trình

Năm 2021, trên cơ sở đề nghị của UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng: Sở NN&PTNT tham mưu UBND tỉnh thuận chủ trương điều chuyển 02 công trình tại huyện Bù Đốp²⁹ và huyện Bù Đăng³⁰. Đến ngày 25/9/2024, UBND huyện Bù Đốp đã tạm bàn giao công trình³¹ cho Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý và khai thác.

Tuy nhiên, do khó khăn, vướng mắc trong việc xác định giá trị còn lại của công trình (hồ sơ công trình hiện không đầy đủ, chưa được hướng dẫn cụ thể) nên từ năm 2021 đến nay UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng chưa thực hiện xong và quá trình thực hiện không có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền về những khó khăn, vướng mắc. UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng đã ban hành văn bản³² gửi UBND tỉnh, Sở NN&PTNT và Sở Tài chính đề nghị hỗ trợ thực hiện.

Ngày 10/02/2025, UBND tỉnh ban hành văn bản³³, trong đó có nội dung chỉ đạo các đơn vị “*Các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn UBND huyện Bù Đăng thực hiện theo quy*

²⁷ Theo giải trình của Sở NN&PTNT: Chưa có đề nghị của các đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị được giao quản lý TSKCHT nước sạch, Sở NN&PTNT chưa tham mưu UBND tỉnh phê duyệt thời gian tính hao mòn/trích khấu hao đối với từng công trình.

²⁸ Công văn số 229/SNNMT-KSTL ngày 12/3/2025 của Sở NN&MT về việc đề nghị góp ý đối với dự thảo quyết định phê duyệt khung thời gian hao mòn/khấu hao, tỷ lệ hao mòn/khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tập trung nông thôn.

²⁹ Công văn số 2218/UBND-KT ngày 06/7/2021 về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp.

³⁰ Công văn số 2656/UBND-KT ngày 06/8/2021 về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác các hạng mục còn lại của công trình xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.

³¹ Công văn số 558/CTTL-KHKT ngày 25/9/2024 về việc ý kiến tiếp nhận công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đang trong quá trình lập thủ tục liên quan đến bàn giao công trình.

³² Công văn số 2991/UBND-KT ngày 18/12/2024 của UBND huyện Bù Đốp về việc hỗ trợ đánh giá hiện trạng và tài sản trạm cấp nước tập trung xã Tân Tiến. Công văn số 151/UBND-KT ngày 24/01/2025 của UBND huyện Bù Đăng về việc hỗ trợ đánh giá hiện trạng và tài sản công trình cấp nước sinh hoạt xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.

³³ Công văn số 561/UBND-KT ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh về việc xác định giá trị còn lại của tài sản trước khi bàn giao.

định". Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau khi sáp nhập giữa Sở NN&PTNT và Sở TN&MT) phối hợp với UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng thực hiện các bước tiếp theo để thực hiện chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo quy định.

Như vậy, từ năm 2021 UBND tỉnh đã có văn bản giao UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Bù Đốp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện các bước chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình, đến nay mới có văn bản đề nghị các đơn vị liên quan hướng dẫn là chậm triển khai thực hiện.

9. Việc rà soát, đánh giá và phân loại công trình

9.1. Giai đoạn Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 54/2013/TT-BTC có hiệu lực.

Trong công tác quản lý nhà nước, từ năm 2018 đến năm 2020, Sở NN&PTNT đã thực hiện rà soát mô hình cấp nước tập trung và ban hành các Báo cáo³⁴ về kết quả rà soát và chỉ ra được những hạn chế³⁵ đối với từng mô hình giao đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác (UBND cấp xã, Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước). Trên cơ sở đó, Sở NN&PTNT có phương hướng đề xuất các giải pháp³⁶ để có phương án bàn giao quản lý công trình phù hợp mang lại hiệu quả sử dụng cao.

Mặt khác, theo kết quả phê duyệt thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, cập nhật mô hình quản lý, loại hình và hiệu

³⁴ Báo cáo số 102/BC-SNN-TL ngày 20/6/2018 về kết quả rà soát mô hình cấp nước tập trung và xử lý chất thải chăn nuôi. Báo cáo số 153/BC-SNN-TL về kết quả rà soát các công trình CNSHNTTT trên địa bàn tỉnh năm 2018 gửi Bộ NN&PTNT. Báo cáo số 267/BC-SNN-TL ngày 10/12/2020.

³⁵ (1) Cán bộ quản lý công trình của UBND xã không có chuyên môn quản lý vận hành công trình; cán bộ quản lý vận hành kiêm nhiệm, chủ yếu chưa qua đào tạo tập huấn nên khi công trình bị hư hỏng nặng, lâu ngày xuống cấp dẫn đến ngưng hoạt động và thay đổi thường xuyên nên việc quản lý vận hành công trình thiếu hiệu quả. (2) Nhận thức của một bộ phận người dân trên địa bàn tỉnh về nước sạch chưa cao, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa, người đồng bào dân tộc thiểu số; vì vậy, một số dự án đầu tư xây dựng tại đây sau khi đưa vào sử dụng, số lượng người dân tham gia chưa nhiều (do phần đầu nổi đồng hồ đến nhà do người dân tự bỏ kinh phí thực hiện nên hộ dân không có kinh phí lắp đặt, chủ yếu là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ neo đơn) nên chưa đáp ứng được so với công suất thiết kế của các công trình. (3) Do nhu cầu sử dụng của người dân không thường xuyên, chủ yếu tập trung vào mùa khô nên kinh phí từ việc bán nước không đảm bảo các hoạt động quản lý, vận hành như tiền lương, tiền điện, tiền hóa chất, có một số công trình mang tính chất duy trì và cấp nước cho khu hành chính UBND xã là chủ yếu... vì vậy, các hoạt động tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước, kinh phí sửa chữa các hư hỏng, duy tu bảo dưỡng và đặc biệt kinh phí đầu tư mở rộng các tuyến đường ống nhánh để cấp nước cho người dân là không thể thực hiện do hiệu quả các mô hình quản lý hiện nay không có kinh phí. Các mô hình quản lý vận hành công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn thường không mang lại hiệu quả cao. (4) Tỷ lệ công trình hoạt động bền vững ở mức rất thấp. Một số công trình được xây dựng từ lâu, trên 10 năm, công nghệ xử lý đã lạc hậu dẫn đến việc xử lý nước khó khăn và tốn kém về chi phí hóa chất, tiền điện, nhân công vận hành, các hạng mục của công trình đã xuống cấp, thường xuyên bị hư hỏng đặc biệt là máy bơm, tuyến đường ống thường xuyên bị bể, nứt gây thất thoát nước dẫn đến chi phí vận hành cao nên các đơn vị quản lý (đa phần các công trình cấp nước tập trung do UBND các xã quản lý) không thể sửa chữa, lâu ngày công trình bị xuống cấp, không được duy tu, sửa chữa dẫn đến ngưng hoạt động. Do đó mô hình UBND xã quản lý, vận hành công trình chưa mang lại hiệu quả cao.

³⁶ (1) Cần phải có nguồn kinh phí duy tu, sửa chữa công trình thường xuyên và tuyên truyền, nâng cao hiểu biết và trách nhiệm của người dân trong việc sử dụng nước sạch nông thôn. Đồng thời, xã hội hóa các công trình cấp nước để nâng cao hiệu quả quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn; xây dựng kế hoạch rà soát lại toàn bộ công trình hiện có, đánh giá mô hình nào hiệu quả, mô hình chưa hiệu quả để đề xuất mô hình quản lý cho phù hợp với mỗi công trình cụ thể để có phương án bàn giao quản lý công trình phù hợp mang lại hiệu quả cao. Ngoài ra, cần tiến hành xã hội hóa trong công tác đầu tư, xây dựng và quản lý vận hành công trình CNSHNTTT để nâng cao hiệu quả sử dụng. (2) Công trình xã Đức Liễu (thôn 2) và xã Phú Sơn huyện Bù Đăng đề xuất sửa chữa; công trình xã Tân Phước, xã Thuận Lợi huyện Đồng Phú; công trình xã Minh Long huyện Chơn Thành đề xuất thanh lý; công trình xã Phước Thiện sửa chữa hoàn thành chưa đưa vào sử dụng đề xuất điều chuyển cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước quản lý, sử dụng và khai thác.

quả, mức độ bền vững của từng công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh năm 2019, 2020 đã xác định được các công trình ngừng hoạt động (được nêu ở mục 6 Phần I).

Tuy nhiên, Sở NN&PTNT chưa triển khai, thực hiện các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế Sở đã đề ra nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình trên địa bàn tỉnh (có công trình đã không hoạt động từ lâu: công trình xã Thuận Lợi, xã Tân Phước huyện Đồng Phú ngừng hoạt động từ năm 2017....) như: Chưa xác định giá trị còn lại thực tế từng công trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh³⁷, tham mưu UBND tỉnh chuyển đổi mô hình quản lý, thanh lý công trình, tập huấn, đào tạo cán bộ quản lý vận hành.... được quy định tại Điều 31 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 và Điều 2 Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 54/2013/TT-BTC.

9.2. Giai đoạn Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (TSKCHT) cấp nước sạch có hiệu lực, UBND tỉnh ban hành văn bản³⁸ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện³⁹.

- Trong 02 năm (2023, và 2024), Sở NN&PTNT chủ trì tổ chức rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với 42/42 công trình cấp nước sạch nông thôn và ban hành Báo cáo số 347/BC-SNN-TL ngày 04/11/2024 về việc rà soát, phân loại TSKCHT cấp nước sạch nông thôn. *Kết quả: Qua rà soát có 14 công trình hư hỏng, xuống cấp ngừng hoạt động và có công trình chưa đi vào hoạt động kể từ khi được bàn giao; các đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác kiến nghị thanh lý, sửa chữa, tiếp tục hoạt động đối với công trình chưa hoạt động.*

- Đồng thời, Sở NN&PTNT có các văn bản⁴⁰ gửi cơ quan có thẩm quyền về thực hiện các kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (liên quan đến

³⁷ Công văn số 378/UBND-KTN ngày 15/02/2017 về việc triển khai thực hiện chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình CNSHTT: Giao “Sở NN&PTNT ...đánh giá, xác định giá trị còn lại thực tế từng công trình...hoàn thành trước ngày 30/4/2017...; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện bàn giao công trình CNSHTT, cơ chế hỗ trợ bù giá....”.

³⁸ Công văn số 3229/UBND-TH ngày 31/10/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

³⁹ Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị chuyên môn về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh: (1) Nghiên cứu nội dung của Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn để thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời nội dung của Nghị định và các văn bản hướng dẫn. (2) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (TSKCHT) cấp nước sạch (nếu có) để tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ. (3) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, quy trình bảo trì, vận hành TSKCHT cấp nước sạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. (4) Rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán TSKCHT cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn và đơn vị sự nghiệp công lập cấp nước sạch thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về TSKCHT cấp nước sạch vào Cơ sở dữ liệu về TSKCHT nước sạch; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch theo quy định. Trong thời gian Bộ Tài chính đang xây dựng Cơ sở dữ liệu về TSKCHT cấp nước sạch, việc nhập, duyệt, quản lý dữ liệu được tạm thời thực hiện trên Phần mềm quản lý tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. (5) Thực hiện rà soát, phân loại TSKCHT cấp nước sạch hiện có; kiểm tra hiện trạng, lập phương án giao, quản lý, khai thác TSKCHT cấp nước sạch hiện có, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định, hoàn thành trong tháng 02/2023.

⁴⁰ Tờ trình số 158/TTr-SNN-TL ngày 27/10/2022 gửi UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính về việc đăng ký nguồn vốn triển khai các kiến nghị tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; Công văn số 827/SNN-TL ngày 18/4/2023 gửi Sở KH&ĐT về việc xem xét tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

công trình CNSHTT tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 về kết quả giám sát việc đầu tư xây dựng, quản lý, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các đập, hồ chứa thủy lợi và các công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh) để được bố trí nguồn vốn sửa chữa các công trình nhưng chưa được phân bổ.

Sau khi rà soát với kết quả nêu trên, hiện nay Sở NN&PTNT chỉ dừng lại ở việc rà soát (ghi nhận lại hiện trạng, đánh giá tình trạng hoạt động của từng công trình), đối với công tác phân loại và phương án xử lý đang trong giai đoạn hoàn thiện dự thảo để trình UBND tỉnh phê duyệt theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3229/UBND-TH ngày 31/10/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch.

10. Công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán đối với 03/39 công trình

10.1. Đối với 02 công trình sửa chữa, nâng cấp công trình xã Minh Đức, huyện Hớn Quản và xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng

Dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình xã Minh Đức, huyện Hớn Quản⁴¹ và Dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng⁴² được sửa chữa và bàn giao cho UBND xã Minh Đức và Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý, sử dụng. Ban QLDA ĐTXD tỉnh đã có văn bản⁴³ gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán công trình⁴⁴.

Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ Sở Tài chính chưa thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trả hồ sơ⁴⁵ cho Ban QLDA ĐTXD tỉnh bổ sung hồ sơ. Ban QLDA ĐTXD tỉnh đã có văn bản giải trình⁴⁶ gửi Sở Tài chính xem xét nhưng Sở Tài chính chưa chấp nhận thẩm tra và phê duyệt quyết toán hoàn thành⁴⁷.

Đến thời điểm hiện nay, do còn vướng mắc về mặt thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công-dự toán Hạng mục: Đường điện và trạm biến áp thuộc công trình tại các văn bản⁴⁸ do UBND tỉnh ban hành nên Sở Tài chính chưa thẩm tra và phê duyệt quyết toán 02 công trình sửa chữa nêu trên.

⁴¹ UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 29/9/2017. Công trình xây dựng hoàn thành ngày 28/6/2018 và bàn giao cho UBND xã Minh Đức, huyện Hớn Quản quản lý, sử dụng ngày 26/6/2019

⁴² UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 29/9/2017. Công trình xây dựng hoàn thành ngày 27/6/2018 và bàn giao cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước quản lý, sử dụng ngày 09/11/2022.

⁴³ Tờ trình số 373/TTr-BQLDA và Tờ trình số 375/TTr-BQLDA ngày 24/9/2021.

⁴⁴ Dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình xã Minh Đức, huyện Hớn Quản (tổng giá trị đề nghị quyết toán là: 1.666.325.000đồng) và xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng (tổng giá trị đề nghị quyết toán là: 7.455.012.000đồng).

⁴⁵ Công văn số 913/STC-ĐT ngày 26/4/2022 về việc bổ sung hồ sơ quyết toán hạng mục đường điện và trạm biến áp thuộc các công trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đề nghị Ban QLDA ĐTXD tỉnh bổ sung đầy đủ hồ sơ theo chỉ đạo tại Công văn số 153/UBND-KT ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh và Ban QLDA ĐTXD tỉnh không bổ sung được hồ sơ.

⁴⁶ Công văn số 451/BQLDA-KHTH ngày 19/5/2022 và đã tổ chức họp lấy ý kiến sở, ngành; có văn bản số 962/BQLDA-KHTH ngày 05/10/2022 (kèm biên bản họp giữa các ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương và Ban QLDA ĐTXD tỉnh).

⁴⁷ Do chưa có Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công-dự toán Hạng mục: Đường điện và trạm biến áp thuộc công trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 153/UBND-KT ngày 18/01/2018.

⁴⁸ (1) Công văn số 153/UBND-KT ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh, trong đó chỉ đạo "Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tổ chức lập hồ sơ bổ sung đối với các hạng mục đường điện và trạm biến áp thuộc các công trình, trong đó có công trình sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản và xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng; trình Sở Công thương thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy

10.2. Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Phước, huyện Đồng Phú

Dự án CNSHTT xã Tân Phước, huyện Đồng Phú⁴⁹ được xây dựng và bàn giao cho UBND xã Tân Phước, huyện Đồng Phú quản lý, sử dụng ngày 28/9/2009. Ban QLDA ĐTXD tỉnh trình⁵⁰ Sở Tài chính thẩm tra và phê duyệt quyết toán đối với công trình. Qua kiểm tra hồ sơ trực tiếp, Sở Tài chính trả lại hồ sơ⁵¹ và đề nghị bổ sung các hồ sơ còn thiếu phục vụ cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán công trình. Ban QLDA ĐTXD tỉnh đã có các văn bản⁵² đề nghị Sở NN&PTNT cung cấp các hồ sơ chứng từ còn thiếu để thực hiện việc đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán công trình. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Sở NN&PTNT chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, do đó Ban QLDA ĐTXD tỉnh chưa đủ hồ sơ để gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định.

11. Việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về chuyên môn đối với việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh

- Sở NN&PTNT: Hàng năm, Sở NN&PTNT chỉ thực hiện rà soát, đánh giá, kiểm tra các công trình CNSHTT được thực hiện lồng ghép trong nội dung triển khai Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn; thực hiện kiểm tra công trình khi có đề nghị của các địa phương hoặc đơn vị trực tiếp quản lý công trình, không thanh tra đối với các công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh.

- Sở Tài chính: Năm 2021, Sở Tài chính tiến hành thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2021 tại Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước⁵³ (trong đó có nội dung về quản lý, sử dụng và khai thác các công trình CNSHTT do Công ty quản lý). Năm 2024, Sở Tài chính tổng hợp và ban hành Báo cáo⁵⁴ tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023 (có lồng ghép kết quả nội dung kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở báo cáo cơ quan, đơn vị, địa phương, không tiến hành kiểm tra trực tiếp) gửi UBND tỉnh.

định". (2) Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh: Tại Điều 13: khoản 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình: điểm b) Giao Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành nêu tại Khoản 1 Điều này và Trưởng ban Ban quản lý khu kinh tế nêu tại Khoản 2, Điều này: Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước của công trình thuộc dự án nhóm C, sử dụng vốn ngân sách nhà nước có tổng mức đầu tư dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴⁹ UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/6/2008. Công trình xây dựng hoàn thành ngày 28/9/2009 và bàn giao cho UBND xã Tân Phước, huyện Đồng Phú quản lý, sử dụng ngày 28/9/2009.

⁵⁰ Phiếu giao nhận hồ sơ ngày 12/12/2023.

⁵¹ Các hồ sơ đề nghị bổ sung kèm theo Phiếu giao nhận hồ sơ ngày 12/12/2023.

⁵² Công văn số 124/BQLDA-KHTH ngày 25/2/2022; Công văn số 530/BQLDA-KHTH ngày 10/6/2022; Công văn số 1486/BQLDA-DHDA NN&PTNT ngày 13/12/2023; Công văn số 1517/BQLDA-DHDA NN&PTNT ngày 19/12/2023.

⁵³ Kết luận thanh tra số 2117/KL-STC ngày 11/8/2022 của Giám đốc Sở Tài chính về Kết luận thanh tra công tác quản lý tài chính.

⁵⁴ Báo cáo số 665/BC-STC ngày 13/3/2024 về báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023.

Mặt khác, trong công tác quản lý nhà nước về chuyên môn, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản⁵⁵ về quản lý tài sản công.

- UBND cấp huyện: Phòng Tài chính cấp huyện tổng hợp kết quả quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn, tham mưu UBND huyện báo cáo cấp trên triển khai các văn bản, ban hành các kế hoạch về kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn. Tuy nhiên, UBND cấp xã không báo cáo về tài sản công đối với các công trình CNSHTT do mình quản lý, sử dụng và khai thác.

12. Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm tra, giám sát, thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Trong những năm qua, việc chú trọng trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo việc triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cũng được gắn liền, để chấn chỉnh khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 02 kết luận thanh tra: Kết luận thanh tra số 08/KL-UBND ngày 11/01/2018 về việc chấp hành pháp luật chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015; Kết luận thanh tra số 16/KL-UBND ngày 17/01/2018 về chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước. Các nội dung kiến nghị đã được thực hiện.

- Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát và ban hành Báo cáo số 10/BC-HĐND-KTNS ngày 14/5/2018 về kết quả giám sát việc quản lý, khai thác, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các hồ, đập thủy lợi và các công trình khác có liên quan trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2022, HĐND tỉnh tiếp tục giám sát và ban hành Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 về kết quả giám sát việc đầu tư xây dựng, quản lý, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các đập, hồ chứa thủy lợi và công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh: *Thực hiện Công văn số 2593/UBND-KT ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS, Sở NN&PTNT đã ban hành các văn bản⁵⁶ gửi UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính nhưng đến nay chưa được xem xét.*

- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII: Thông báo số 473/TB-KTKVXIII ngày 30/7/2021 về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 tại Công ty TNHH

⁵⁵ Công văn số 3229/UBND-TH ngày 31/10/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch. Công văn số 3432/UBND-TH ngày 11/11/2022 về việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý tài sản công. Công văn số 620/UBND-TH ngày 28/02/2023 về việc tăng cường công tác quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Công văn số 1985/UBND-TH về tăng cường công tác quản lý TSKCHT do Nhà nước đầu tư, quản lý. Công văn số 373/UBND-TH ngày 25/01/2024 về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2024. Công văn số 3605/UBND-TH ngày 04/9/2024 về việc tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công. Công văn số 4569/UBND-TH ngày 05/11/2024 về việc thực hiện nghiêm các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

⁵⁶ Tờ trình số 158/TTr-SNN-TL ngày 27/10/2022 gửi UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính về việc đăng ký nguồn vốn triển khai các kiến nghị tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; Công văn số 827/SNN-TL ngày 18/4/2023 gửi Sở KH&ĐT về việc xem xét tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước; Thông báo số 303/TB-KTKVXIII ngày 28/6/2024 về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước liên quan đến nội dung khấu hao TSCĐ đối với 19 công trình do Công ty quản lý, sử dụng và khai thác: Các đơn vị Sở NN&PTNT, Sở Tài chính và Công ty đang thực hiện.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG

Đoàn thanh tra số 70/QĐ-T.Tr tiến hành kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và khai thác 14 công trình ngừng hoạt động, chưa đi vào hoạt động (do UBND cấp xã và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước quản lý) và chọn 01 công trình hoạt động có hiệu quả do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước quản lý, sử dụng và khai thác.

Qua làm việc và trên cơ sở các báo cáo của UBND cấp huyện, cấp xã, Đoàn thanh tra số 70/QĐ-T.Tr ghi nhận kết quả như sau:

1. Các công trình giao UBND cấp xã để quản lý, sử dụng và khai thác

- Về hồ sơ công trình: UBND cấp xã không còn lưu hoặc lưu không đầy đủ hoặc để thất lạc hồ sơ công trình. Các công trình được xây dựng và đi vào hoạt động từ lâu, các cán bộ được giao quản lý, vận hành công trình thường xuyên thay đổi (nghỉ việc, chuyển công việc khác...); lãnh đạo UBND cấp xã thay đổi qua nhiều thời kỳ, không được bàn giao lại hồ sơ công trình; cùng với tâm lý cho rằng các công trình bàn giao cho UBND cấp xã là đơn vị thụ hưởng, không phải thực hiện các bước theo quy định của pháp luật; khi công trình ngừng hoạt động, UBND cấp xã không có kinh phí sửa chữa và không có biện pháp khắc phục hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Việc vận hành, khai thác công trình: UBND cấp xã giao cho cán bộ phụ trách thực hiện hoặc thành lập Tổ quản lý vận hành khai thác. Tuy nhiên, cán bộ được giao vận hành, khai thác không có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chỉ được tập huấn 01 lần vào năm 2010 và các cán bộ được tập huấn sau đó nghỉ việc, chuyển công việc khác, người tiếp quản mới không có trình độ chuyên môn nghiệp vụ để quản lý vận hành khai thác công trình.

- Báo cáo kê khai công trình: UBND cấp xã không thực hiện việc báo cáo kê khai công trình theo Điều 19 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 và Điều 9 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

- Hạch toán, khấu hao công trình: (1) Không thực hiện việc hạch toán công trình (tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch) theo Điều 20 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017) và Điều 10 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022. (2) Không thực hiện khấu hao công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, Điều 7 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022. Cán bộ được giao quản lý, vận hành chỉ ghi lại việc thu, chi tiền nước vào sổ tay (không phải sổ kế toán theo quy định), chủ yếu để trả tiền điện, tiền

công cho cán bộ quản lý, vận hành, một phần sửa chữa những hư hỏng nhỏ công trình; UBND cấp xã không mở sổ hạch toán thể hiện việc thu, chi theo quy định. Riêng đối với công trình xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp đến năm 2023 đã mở sổ theo dõi tài sản công, tài sản cố định.

Do UBND cấp xã không được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn để thực hiện các bước khấu hao tài sản đối với các công trình do đơn vị quản lý. Tiền thu từ dịch vụ cung cấp nước không đủ bù chi tiền điện, tiền hỗ trợ cho người quản lý vận hành, tiền sửa chữa công trình.

- Bảo trì công trình: Chưa được thực hiện thường xuyên, chỉ sửa chữa những hư hỏng nhỏ, tạm thời. Do nguồn thu từ tiền cung cấp dịch vụ nước sạch không đủ chi, không có nguồn kinh phí để thực hiện.

2. Các công trình giao Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước để quản lý, sử dụng và khai thác (kiểm tra Công trình thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, công trình Tà Thiết xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh)

- Công trình thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng được đầu tư và đưa vào vận hành từ năm 2009, công trình được giao Trạm Dịch vụ Thủy lợi Bù Đăng tổ chức quản lý vận hành khai thác hiệu quả. Công trình Tà Thiết, huyện Lộc Ninh chưa đi vào vận hành khai thác do chưa có người dân đến sinh sống, tuy nhiên để duy trì hoạt động (không có hoạt động sản xuất kinh doanh). Công ty nhận bàn giao công trình từ năm 2017, hàng năm Công ty vẫn phải bảo trì máy móc, đường ống hư hỏng...chi phí 490.228.408 đồng (Công ty tạm tính chi phí chủ yếu trả tiền công trông coi công trình).

Cán bộ vận hành, khai thác công trình có chuyên môn đại học, cao đẳng, trung cấp để quản lý, vận hành công trình đảm bảo, cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ và học tập kinh nghiệm quản lý công trình, có Tổ kỹ thuật sửa chữa sự cố công trình đảm bảo công trình hoạt động an toàn và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định⁵⁷. Hồ sơ 02 công trình được lưu đầy đủ tại Công ty.

- Báo cáo kê khai công trình: Trước năm 2024, Công ty chưa thực hiện việc báo cáo kê khai công trình, tuy nhiên, năm 2018 thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở NN&PTNT⁵⁸, Công ty đã có Báo cáo⁵⁹ thể hiện đầy đủ thông tin về các công trình. Đến năm 2024, thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và văn bản của Sở NN&PTNT, Công ty thực hiện báo cáo kê khai các công trình⁶⁰ do Công ty đang quản lý 19 công trình (trong đó có công trình thị trấn Đức Phong, công trình Tà Thiết) gửi Sở NN&PTNT theo quy định.

- Hạch toán, khấu hao công trình:

⁵⁷ Quyết định số 14/QĐ-CT ngày 18/10/2018 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng chức năng, Trạm Dịch vụ Thủy lợi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước.

⁵⁸ Công văn số 2007/UBND-KTN ngày 13/07/2018 của UBND tỉnh, Công văn số 1019/SNN-TL ngày 25/07/2018 của Sở NN&PTNT về việc rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh.

⁵⁹ Báo cáo số 282/BC-DVTL ngày 24/8/2018 về việc rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước quản lý.

⁶⁰ Báo cáo số 54/DVTL-KT ngày 02/02/2024 về việc báo cáo kê khai công trình CNSHTTTT.

+ Công tác ghi sổ kế toán: Công ty đã ghi sổ kế toán để theo dõi⁶¹.

+ Công tác khấu hao công trình: Trước năm 2021, Công ty chưa thực hiện khấu hao công trình thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng và công trình Tà Thiết, huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013. Từ năm 2021, thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Công ty tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 phê duyệt thời gian trích khấu hao TSCĐ cấp nước sạch tập trung nông thôn do Công ty quản lý 19 công trình (trong đó có công trình thị trấn Đức Phong, công trình Tà Thiết). Hiện nay, Công ty đã trình phương án trích khấu hao/hao mòn TSCĐ cấp nước sạch tập trung nông thôn gửi Sở NN&PTNT lấy ý kiến Sở Tài chính tham mưu UBND xem xét, quyết định.

- Bảo trì công trình: Việc bảo trì đối với từng công trình của Công ty được lấy từ nguồn vốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, do nguồn thu còn hạn hẹp, hàng năm Công ty chủ yếu cân đối kinh phí thực hiện các công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các hư hỏng nhỏ nhằm khôi phục, duy trì khả năng vận hành cấp nước của công trình (*một số công trình, trước đây do UBND xã quản lý, sau thời gian bị xuống cấp, hoạt động không hiệu quả đã được giao về Công ty quản lý: Công trình Cấp nước Long Hà, huyện Phú Riềng; công trình cấp nước Bù Rên, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, Công ty phải đầu tư sửa chữa để đảm bảo hoạt động công trình*). Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hàng năm của Công ty. Từ năm 2003 đến nay, Công ty đã tiến hành sửa chữa, cải tạo nâng cấp 11 công trình, với giá trị sửa chữa là 1.884.674.693 đồng; giá trị đầu tư mở rộng mạng ống cấp nước là 1.916.248.530 đồng (*Phụ lục số 04 kèm theo*).

3. Công tác kiểm tra hiện trạng 15 công trình

Đoàn thanh tra số 70/QĐ-T.Tr tiến hành kiểm tra, ghi nhận hiện trạng thực tế 15 công trình (12 công trình ngừng hoạt động, 02 công trình chưa đi vào hoạt động, 01 công trình đang hoạt động hiệu quả). Đoàn chỉ kiểm tra tổng thể bằng mắt thường các hạng mục chính còn hiện hữu, có một số hạng mục cỏ mọc bao trùm không thể tiếp cận, có hạng mục được bảo quản tốt (nhà điều hành). Đoàn không đánh giá tình trạng hoạt động (còn hoạt động hoặc không hoạt động) của từng hạng mục công trình; không kiểm tra chi tiết về thông số kỹ thuật; không ghi nhận các hạng mục mạng lưới đường ống đi ngầm dưới đất (*Phụ lục số 05 kèm theo*).

Riêng đối với 01 công trình đang hoạt động hiệu quả (công trình thị trấn Đức Phong). Hiện nay, địa phương có đề nghị sửa chữa hư hỏng các hạng mục công

⁶¹ Từ năm 2013 đến năm 2022: Tổng thu 12.131.385.637 đồng, tổng chi 12.110.706.131 đồng. Nhìn chung, việc cung cấp dịch vụ cấp nước sạch của công trình thị trấn Đức Phong có lãi, Đoàn Thanh tra ghi nhận doanh thu và chi phí trong 04 năm (2020, 2021, 2022, 2023), cụ thể: Năm 2020, công trình có 978 khách hàng, doanh thu 1.790 triệu đồng; năm 2021, công trình có 1.034 khách hàng, doanh thu 1.736 triệu đồng; năm 2022, công trình có 1.227 khách hàng, doanh thu 1.850 triệu đồng; năm 2023, công trình có 1.190 khách hàng, doanh thu 2.272 triệu đồng. Kết quả sản xuất kinh doanh: Năm 2020 lãi 144.310.778 đồng; năm 2021, lỗ 313.022.256 đồng; năm 2022 lỗ 102.150.349 đồng; năm 2023, lãi 166.993.340 đồng. Nguyên nhân lỗ năm 2021-2022 là do dịch bệnh Covid, các hoạt động sản xuất, sinh hoạt giảm. Đồng thời, thực hiện chính sách giảm giá nước sạch trong thời gian dịch bệnh theo văn bản (Công văn số 3411/UBND-TH ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh, không thu tiền cấp nước đối với Trung tâm y tế, các hộ nghèo gia đình chính sách, Khu cách ly bệnh nhân Covid-19....) của UBND tỉnh. Công trình Tà Thiết chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh.

trình (đã lâu, cũ) và đầu tư các tuyến ống đến khu vực chưa có nước sạch và khu hành chính mới của huyện⁶². Trên cơ sở thực trạng công trình và kiến nghị nhu cầu sử dụng nước của địa phương và sự cần thiết phải đầu tư, sửa chữa lớn đối với công trình. Trong điều kiện ngân sách UBND tỉnh chưa bố trí được nguồn vốn, Công ty đã ưu tiên nguồn vốn trong kế hoạch 2024-2025 để tập trung cho dự án này và đã phê duyệt đề cương nhiệm vụ lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 145/QĐ-DVTL ngày 11/9/2024.

PHẦN C. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CNSHTTT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Kết quả đạt được

Ngày 25/8/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020. Mục đích của Chương trình góp phần cải thiện điều kiện sống, nâng cao nhận thức của người dân vùng nông thôn, đặc biệt là đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Việc thực hiện cấp nước sạch nông thôn đã mang lại hiệu quả thiết thực vì nâng tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh từ 60% năm 2004 lên 98% năm 2020.

2. Kết luận về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước

2.1. Việc triển khai văn bản: UBND huyện Bù Gia Mập, huyện Hớn Quản và thị xã Bình Long triển khai các văn bản có liên quan chưa đầy đủ.

2.2. Việc thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp trong công tác quản lý Nhà nước: Sở NN&PTNT và UBND các huyện, thị xã được kiểm tra chưa thực hiện hết các nội dung theo phân cấp tại Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014. Trách nhiệm này thuộc về Sở NN&PTNT và UBND cấp huyện: Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú, giai đoạn 2013-2017. Công tác quản lý Nhà nước về TSKCHT liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương, vì vậy cần được phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan phù hợp với quy mô tài sản và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

2.3. Việc giao công trình cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác

- Tổng số công trình CNSHTTT được đầu tư xây dựng 42 công trình. Các công trình được xây dựng, nghiệm thu hoàn thành bàn giao cho các cơ quan, đơn vị

⁶² Biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch Trạm cấp nước Đức Phong ngày 23/4/2024 giữa các sở, ngành và địa phương (UBND huyện Bù Đăng và thị trấn Đức Phong). Đơn xin cung cấp nước sạch ngày 12/4/2024 của Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng. Đơn đề nghị cấp nước sạch của Công an huyện (trụ sở tại khu Trung tâm hành chính mới của huyện) ngày 14/4/2024 gửi Công ty. Đơn xin cấp nước sạch của các hộ dân đường Lý Thường Kiệt ngày 12/4/2024 gửi Công ty.

quản lý, sử dụng và khai thác 41 công trình. Quá trình bàn giao một số công trình, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư không mời UBND cấp huyện tham gia bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác dẫn đến UBND cấp huyện không nắm được các công trình trên địa bàn huyện để thực hiện công tác quản lý nhà nước trên địa bàn. Trách nhiệm này thuộc về đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư giai đoạn 2013-2022.

- Hiện nay, còn 01 công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú được đầu tư xây dựng xong, đi vào sử dụng và khai thác đến nay đã 12 năm nhưng chưa được bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác (*đang tạm bàn giao cho Công ty Cổ phần TV&XD Miền Nam quản lý, sử dụng và khai thác*). Trách nhiệm này thuộc về Sở NN&PTNT giai đoạn 2013-2024.

2.4. Về cơ sở dữ liệu công trình

Quá trình thực hiện nhập cơ sở dữ liệu công trình, Sở NN&PTNT không gửi hồ sơ bản giấy thông tin các công trình đến Sở Tài chính và Sở Tài chính không yêu cầu gửi hồ sơ bản giấy thông tin các công trình theo Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, Công văn số 749/UBND-TH ngày 08/4/2022 và Công văn số 3432/UBND-TH ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh. Trách nhiệm này thuộc về Sở NN&PTNT và Sở Tài chính.

2.5. Việc vận hành, khai thác công trình

Việc vận hành, khai thác công trình do đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác thực hiện. Cán bộ quản lý công trình của UBND cấp xã không có chuyên môn quản lý vận hành công trình và thay đổi thường xuyên nên việc quản lý vận hành công trình giao UBND cấp xã quản lý không hiệu quả. Cán bộ quản lý công trình tại các Trạm Thủy lợi của Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước được đào tạo và có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, việc vận hành, khai thác công trình đạt hiệu quả.

2.6. Báo cáo, hạch toán, khấu hao, bảo trì công trình

- Các công trình giao UBND cấp xã được giao quản lý, sử dụng và khai thác: Từ khi tiếp nhận công trình đến khi công trình ngừng hoạt động, UBND cấp xã không thực hiện việc báo cáo kê khai công trình, hạch toán, khấu hao, việc bảo trì công trình chưa được thường xuyên.

- Các công trình giao Công ty: Từ khi tiếp nhận công trình đến năm 2021, Công ty không thực hiện việc báo cáo kê khai công trình và khấu hao công trình, khi có kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và văn bản của Sở NN&PTNT, năm 2024 Công ty thực hiện báo cáo kê khai công trình (19 công trình) gửi Sở NN&PTNT. Công ty tự cân đối kinh phí của đơn vị và thực hiện bảo trì công trình hoạt động hiệu quả.

Việc đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình không thực hiện các nội dung theo quy định nêu trên, trước tiên do đơn vị không nghiên cứu các quy định để thực hiện, mặt khác trong quá trình quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, Sở NN&PTNT không thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị quản lý,

sử dụng và khai thác công trình thực hiện. Trách nhiệm này thuộc về các đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình và Sở NN&PTNT.

- Về công tác khấu hao: (1) Trước năm 2021, Sở NN&PTNT chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt thời gian trích khấu hao tài sản cố định CNSHTT đối với 42 công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 21 tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013. (2) Từ năm 2021, thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, Sở NN&PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt thời gian trích khấu hao tài sản cố định cấp nước sạch tập trung nông thôn do Công ty quản lý (19 công trình). (3) Ngày 28/02/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 452/QĐ-UBND phê duyệt phương án trích khấu hao tài sản cố định các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn do Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý.

Đối với các công trình còn lại (22/42 công trình), Sở NN&PTNT chưa tham mưu UBND tỉnh phê duyệt thời gian trích khấu hao các công trình theo Điều 21 Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Điều 8 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau khi sáp nhập giữa Sở NN&PTNT và Sở TN&MT) lấy ý kiến Sở Tài chính và các đơn vị liên quan về dự thảo quyết định phê duyệt tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

2.7. Việc điều chuyển công trình

Từ năm 2021 đến nay, UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Bù Đốp chưa xác định được giá trị còn lại của 02 công trình trên địa bàn huyện để thực hiện các bước tiếp theo điều chuyển công trình cho đơn vị tiếp nhận mới (*UBND huyện Bù Đốp đã tạm bàn giao công trình cho Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý và khai thác*) là chậm triển khai thực hiện. Trách nhiệm này thuộc về UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Bù Đốp giai đoạn 2021-2024.

2.8. Việc rà soát, đánh giá và phân loại công trình

Giai đoạn 2018-2020, Sở NN&PTNT đã 03 lần thực hiện rà soát và đã đánh giá hiệu quả của các mô hình quản lý, loại hình quản lý của từng công trình trên địa bàn tỉnh; nêu ra những tồn tại, hạn chế; đồng thời đưa ra phương hướng, nhiệm vụ để khắc phục. Tuy nhiên, Sở NN&PTNT chưa triển khai, thực hiện các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế Sở đã đề ra nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình trên địa bàn tỉnh như: Chuyển đổi mô hình quản lý, thanh lý công trình, tập huấn, đào tạo cán bộ quản lý vận hành....và các phương án xử lý công trình là chưa thực hiện quy định tại Điều 31 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 và Điều 2 Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 54/2013/TT-BTC. Trách nhiệm này thuộc về Chi cục Thủy lợi và Sở NN&PTNT giai đoạn 2018-2022.

- Năm 2022, Sở NN&PTNT đã tổ chức rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của 42 công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh và hiện nay đang

trong giai đoạn hoàn thiện dự thảo phương án xử lý đề trình UBND phê duyệt theo chỉ đạo của UBND tỉnh⁶³.

2.9. Công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán đối với 03/39 công trình

- Đối với 02 công trình sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Đức, huyện Hớn Quản; xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng do các văn bản của UBND tỉnh (Công văn số 153/UBND-KT ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước) chưa thống nhất về thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công-dự toán Hạng mục: Đường điện và trạm biến áp thuộc công trình.

- Đối với công trình xã Tân Phước, huyện Đồng Phú: Sở NN&PTNT chưa cung cấp được đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, do đó Ban QLDA ĐTXD tỉnh chưa đủ hồ sơ để gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định.

2.10. Việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn

Các đơn vị Sở NN&PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện đã triển khai các biện pháp kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình nhưng không phát hiện việc thực hiện chưa đúng các quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh được quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017) và Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

2.11. Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát; thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Đến thời điểm hiện nay, đối với các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát; các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Sở NN&PTNT đã phối hợp với các đơn vị liên quan (Sở Tài chính, Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước) thực hiện xong. Đối với nội dung kiến nghị của HĐND tỉnh tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 về kết quả giám sát việc đầu tư xây dựng, quản lý, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các đập, hồ chứa thủy lợi và công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh, Sở NN&PTNT đã có văn bản gửi các cơ quan nhưng đến nay chưa được xem xét.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG

1. Công trình giao UBND cấp xã quản lý, sử dụng và khai thác

Hồ sơ công trình không còn hoặc không đầy đủ; không thực hiện các quy định về quản lý tài sản công (chỉ có công trình xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp đến

⁶³ Công văn số 3229/UBND-TH ngày 31/10/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch.

năm 2023 đã mở sổ theo dõi tài sản công, tài sản cố định); cán bộ được phân công quản lý, vận hành kiêm nhiệm, chủ yếu chưa qua đào tạo tập huấn, không có chuyên môn, thường xuyên thay đổi, khi công trình gặp sự cố hư hỏng nhỏ không được sửa chữa kịp thời dẫn đến công trình bị hư hỏng nặng, lâu ngày xuống cấp dẫn đến ngừng hoạt động; có một số công trình mang tính chất duy trì và cấp nước cho khu hành chính UBND xã là chủ yếu. Với tâm lý cho rằng các công trình bàn giao cho UBND cấp xã là đơn vị thụ hưởng, không phải thực hiện các bước theo quy định của pháp luật; khi công trình ngừng hoạt động, UBND cấp xã không có kinh phí sửa chữa và không có biện pháp khắc phục hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền. Cùng với việc khi đơn vị thực hiện nhiệm vụ là chủ đầu tư và đơn vị quản lý Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn là Sở NN&PTNT quá trình bàn giao công trình không thực hiện việc hướng dẫn đơn vị thực hiện đúng các quy định. Trách nhiệm này thuộc về UBND cấp xã, giai đoạn từ khi nhận bàn giao công trình đến khi công trình ngừng hoạt động.

Thực tế cho thấy, trong các công trình giao cho đơn vị cấp xã quản lý, sử dụng và khai thác, có 12 công trình ngừng hoạt động, do năng lực cán bộ quản lý vận hành UBND cấp xã thiếu chuyên môn, nghiệp vụ; việc thu tiền nước không đủ chi, không có kinh phí bảo trì công trình dẫn đến quá trình khai thác, công trình hư hỏng, xuống cấp không được sửa chữa. Mặt khác, có công trình xuống cấp, hư hỏng được sửa chữa (thời điểm sửa chữa đang vào giai đoạn hạn hán, thiếu nước trầm trọng nên các hộ dân chủ động khoan giếng lấy nước phục vụ cho sinh hoạt), khi công trình sửa chữa hoàn thành, UBND xã có thông báo và vận động các hộ đăng ký sử dụng nước, rất ít hộ dân có nhu cầu sử dụng, nên công trình không thể vận hành. Trách nhiệm này thuộc về UBND cấp xã giai đoạn từ khi nhận bàn giao công trình để quản lý, sử dụng và khai thác đến khi công trình ngừng hoạt động.

Như vậy, công tác tham mưu UBND tỉnh phương án giao công trình để quản lý, sử dụng và khai thác chưa đạt hiệu quả đối với mô hình giao UBND cấp xã quản lý và Sở NN&PTNT đã nhìn nhận được khuyết điểm, có hướng đề xuất khắc phục nhược điểm của mô hình này nhưng chưa tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện để hạn chế tình trạng đang tồn tại trong nhiều năm qua là chưa thực hiện tốt trong công tác quản lý nhà nước.

2. Công trình giao Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý, sử dụng và khai thác

Công ty là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích nên việc tiền nước thu được từ dịch vụ cung cấp nước cho các hộ dân chủ yếu dùng cho các hoạt động về công tác tổ chức quản lý công trình (*trả lương cho nhân công, trả tiền điện, hóa chất và sửa chữa nhỏ của công trình và khi cần nâng cấp, sửa chữa lớn Công ty xin kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước*). Trong các công trình giao cho Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước quản lý, sử dụng và khai thác có 02 công trình chưa đi vào hoạt động là do 02 công trình này xây dựng trong Khu tái định cư thuộc Dự án Thủy lợi Phước Hòa, được xây dựng theo quy định của Luật Đất đai quy định về thực hiện dự án tái định cư cho người dân khi bị thu hồi đất để thực hiện dự án, nhưng khu tái định cư chưa có người dân đến sinh sống.

PHẦN D. BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng: Không.

2. Kiến nghị các giải pháp, biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả: Từ những kết luận về những nội dung đã tiến hành thanh tra nêu trên, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận và kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp xử lý đối với từng cơ quan, đơn vị được thanh tra như sau:

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

2.1.1. Tiếp tục thực hiện nghiêm các nội dung

(1) Tham mưu UBND tỉnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình, hạ tầng nước sạch theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

(2) Khẩn trương tham mưu UBND tỉnh phương án giao công trình xã Tân Lập theo chỉ đạo tại Công văn số 3179/UBND-KTN ngày 17/9/2013 của UBND tỉnh về việc thuận chủ trương xã hội hóa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung và Công văn số 158/VPUBND-KT ngày 17/01/2018 về việc xã hội hóa dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phù hợp với quy định hiện hành.

(3) Tham mưu UBND tỉnh xử lý khấu hao (thời gian trích khấu hao, phương án trích khấu hao) đối với 22/42 công trình theo Điều 8 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

(4) Tiếp tục thực hiện và tham mưu UBND tỉnh các nội dung UBND tỉnh giao tại Công văn số 3229/UBND-TH ngày 31/10/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên cơ sở Báo cáo số 347/BC-SNN-TL ngày 04/11/2024 về việc rà soát phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn và phải có phương hướng khắc phục những tồn tại, hạn chế dẫn đến các công trình hư hỏng, xuống cấp ngừng hoạt động như thời gian qua.

(5) Khẩn trương phối hợp với Sở Tài chính, Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước hướng dẫn UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng thực hiện dứt điểm việc thay đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo Công văn số 2218/UBND-KT ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình CNSHTT xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp và Công văn số 2656/UBND-KT ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác các hạng mục còn lại của công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.

(6) Tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với những nội dung liên quan đến công trình CNSHTT tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 về kết quả giám sát việc đầu tư xây dựng, quản lý,

nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các đập, hồ chứa thủy lợi và các công trình CNSHTT trên địa bàn tỉnh.

(7) Cung cấp các hồ sơ còn thiếu theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD tỉnh để Ban QLDA ĐTXD tỉnh gửi hồ sơ đến Sở Tài chính đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán công trình xã Tân Phước, huyện Đồng Phú theo quy định.

(8) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực chuyên môn để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình, tránh để những tồn tại kéo dài như thời gian vừa qua.

2.1.2. Xử lý về những hạn chế, thiếu sót

- Chủ trì xác định các đơn vị trực thuộc và cá nhân, tổ chức hợp chấn chỉnh, rút kinh nghiệm các nội dung: (1) Quá trình bàn giao công trình cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác không mời UBND cấp huyện tham gia để thực hiện công tác quản lý nhà nước trên địa bàn. (2) Công tác lưu trữ hồ sơ, để thất lạc hồ sơ công trình xã Tân Phước, huyện Đồng Phú dẫn đến việc chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ để Ban QLDA ĐTXD tỉnh thực hiện đề nghị Sở Tài chính thẩm tra và phê duyệt quyết toán công trình. (3) Không gửi hồ sơ bản giấy thông tin các công trình đến Sở Tài chính phê duyệt dữ liệu công trình theo khoản 3 Điều 19 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013.

- Chủ trì xác định và xem xét, xử lý trách nhiệm bộ phận chuyên môn và cá nhân trong công tác tham mưu Lãnh đạo Sở:

(1) Chậm tham mưu phương án giao công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, giai đoạn từ khi công trình xây dựng xong đi vào khai thác đến nay.

(2) Không thực hiện việc hướng dẫn cho các đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình thực hiện báo cáo kê khai công trình; khấu hao, hạch toán tài sản cố định, giai đoạn từ khi bàn giao công trình đến khi công trình ngừng hoạt động.

(3) Chưa tham mưu xử lý khấu hao (thời gian trích khấu hao, phương án trích khấu hao) đối với các công trình giao UBND cấp xã quản lý giai đoạn từ khi bàn giao công trình đến khi công trình ngừng hoạt động.

(4) Không tham mưu triển khai thực hiện phương án xử lý các công trình ngừng hoạt động sau khi có kết quả rà soát, phân loại công trình.

Kết quả xử lý về mặt chính quyền đối với 04 nội dung nêu trên, Sở NN&MT chuyển Đảng ủy Sở xem xét, xử lý theo quy định của Đảng. Đồng thời, xem xét, xử lý trách nhiệm Lãnh đạo Sở phụ trách: Chậm chỉ đạo bộ phận chuyên môn tham mưu đối với 04 nội dung nêu trên. Kết quả xem xét, xử lý trách nhiệm, Sở NN&MT chuyển: (1) Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh xử lý cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định. (2) Đảng ủy Sở xem xét, xử lý theo quy định của Đảng.

2.2. Ban QLDA ĐTXD tỉnh

Ban hành văn bản đề nghị Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh thống nhất nội dung về thẩm quyền tại Công văn số 153/UBND-KT ngày 18/01/2018 và Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh Bình Phước. Sau đó gửi hồ sơ đến Sở Tài chính đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán đối với 02 công trình sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Đức, huyện Hớn Quản; xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.

2.3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở NN&MT, Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước hướng dẫn UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng thực hiện dứt điểm việc thay đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo Công văn số 2218/UBND-KT ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình CNSHTT xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp và Công văn số 2656/UBND-KT ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác các hạng mục còn lại của công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.

- Hướng dẫn Ban QLDA ĐTXD tỉnh thực hiện các nội dung đề gửi hồ sơ thẩm tra và phê duyệt quyết toán đối với 02 công trình sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Đức, huyện Hớn Quản; xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực chuyên môn để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình, tránh để những tồn tại kéo dài như thời gian vừa qua.

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm trong việc không lưu hồ sơ công trình khi phê duyệt dữ liệu công trình theo khoản 3 Điều 19 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013.

2.4. Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước

- Phối hợp với Sở NN&MT, Sở Tài chính hướng dẫn UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng thực hiện Công văn số 2218/UBND-KT ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình CNSHTT xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp và Công văn số 2656/UBND-KT ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác các hạng mục còn lại của công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng và tiếp nhận công trình theo quy định.

- Có văn bản gửi Sở NN&MT xem xét, trình UBND tỉnh việc đầu tư nâng cấp mở rộng công trình thị trấn Đức Phong trên cơ sở thực trạng công trình và kiến nghị nhu cầu sử dụng nước của địa phương và sự cần thiết phải đầu tư, sửa chữa lớn đối với công trình.

2.5. UBND các huyện, thị xã: Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú

- Thực hiện triển khai đầy đủ các văn bản của cấp trên (Trung ương, UBND tỉnh) trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác các công trình trên địa bàn.

- Chủ động hơn nữa trong việc kiểm tra và chỉ đạo UBND cấp xã được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc đến cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết, tránh tình trạng như thời gian vừa qua để các công trình xuống cấp, hư hỏng dẫn đến ngừng hoạt động.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình, tránh để những tồn tại kéo dài như thời gian vừa qua.

- Chủ trì, xác định và xem xét xử lý trách nhiệm đối với cán bộ chuyên môn và Lãnh đạo UBND cấp xã trong việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình được giao đến nay đã ngừng hoạt động, quá trình thực hiện chưa tuân thủ các quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 (được sửa đổi tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017), giai đoạn từ khi nhận bàn giao công trình để quản lý, sử dụng và khai thác đến khi công trình ngừng hoạt động.

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm trong việc chưa thực hiện các nội dung theo phân cấp thẩm quyền tại Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh, giai đoạn 2013-2017.

- Chỉ đạo UBND cấp xã trên địa bàn đang quản lý, sử dụng và khai thác công trình chủ động rà soát, phối hợp với cấp có thẩm quyền thực hiện đúng quy định, trường hợp có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được xử lý, giải quyết kịp thời.

- **UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Bù Đốp:** (1) Khẩn trương phối hợp với Sở NN&PTNT, Sở Tài chính, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước thực hiện các nội dung được giao tại Công văn số 2218/UBND-KT ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình CNSHNTTT xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp và Công văn số 2656/UBND-KT ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về thuận chủ trương chuyển đổi đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác các hạng mục còn lại của công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng. (2) Tổ chức họp rút kinh nghiệm trong việc chậm thực hiện các nội dung được giao.

- **UBND các huyện, thị xã: Bù Gia Mập, Hớn Quản, Bình Long** tổ chức họp rút kinh nghiệm trong việc chưa triển khai đầy đủ các văn bản liên quan của cấp trên.

2.6. Sở Nội vụ

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xử lý cá nhân lãnh đạo Sở phụ trách và trách nhiệm người đứng đầu Sở NN&MT trong phạm vi trách nhiệm chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước:

(1) Thời kỳ 2013-2022 chưa chỉ đạo thực hiện việc hướng dẫn cho các đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình thực hiện báo cáo kê khai công trình; khấu hao, hạch toán tài sản cố định, giai đoạn từ khi bàn giao công trình đến khi công trình ngừng hoạt động; tham mưu xử lý khấu hao (thời gian trích khấu hao, phương án trích khấu hao) đối với các công trình giao UBND cấp xã quản lý giai đoạn từ khi bàn giao công trình đến khi công trình ngừng hoạt động.

(2) Thời kỳ 2018-2022, việc giao các công trình theo mô hình UBND cấp xã quản lý, sử dụng và khai thác chưa mang lại hiệu quả nhưng không tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 và Điều 2 Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 54/2013/TT-BTC.

(3) Thời kỳ 2013-2024, chậm tham mưu UBND tỉnh phương án giao công trình xã Tân Lập cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác.

Sở Nội vụ chuyển kết quả xem xét, xử lý về mặt chính quyền đến Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định của Đảng.

Trên đây là kết luận thanh tra công tác quản lý, sử dụng và khai thác một số công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh. *tt*

Nơi nhận:

- Cục III, Thanh tra Chính phủ;
- UBND tỉnh;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở NN&MT;
- Sở Tài chính;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- Công ty TNHH MTV DVTL Bình Phước;
- UBND các huyện, thị xã: Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành;
- Đoàn Thanh tra số 70/QĐ-T.Tr;
- Đăng Website Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT.



CHÁNH THANH TRA

Phạm Văn Thuận

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG NGỪNG HOẠT ĐỘNG,
CHƯA HOẠT ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ

(Kèm theo Kết luận số 04/KL-T.Tr ngày 04/4/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

STT	Tên công trình	Công tác đầu tư		Công tác quản lý vận hành				Năm Ngừng hoạt động
		Chủ đầu tư	Quyết định phê duyet	Cơ sở pháp lý (QĐ giao, văn bản giao, Biên bản bàn giao)	Đơn vị được giao	Hiệu quả	Đơn vị nhận bàn giao hồ sơ đầu tư công trình	
I	2	3	4	6	7	8	9	10
*	CÔNG TRÌNH NGỪNG HOẠT ĐỘNG							
I	Thị xã Bình Long							
1	CNSHTT áp Sock Bé, xã Thanh Phú	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 21/12/2007	Biên bản bàn giao ngày 25/3/2009	UBND xã Thanh Phú	Ngừng hoạt động	UBND xã Thanh Phú	2019
II	Huyện Chơn Thành							
2	CNSHTT xã Nha Bích	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 20/10/2009	Biên bản bàn giao ngày 16/4/2019	UBND xã Nha Bích	Ngừng hoạt động	UBND xã Nha Bích	2015
3	CNSHTT xã Minh Long	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 27/1/2011	Biên bản bàn giao ngày 26/3/2012	UBND phường Minh Long	Ngừng hoạt động	UBND phường Minh Long	2015

III Huyện Hồn Quan								
4	CNSHTT xã Minh Đức	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/3/2009	Biên bản bàn giao ngày 05/11/2010	UBND xã Minh Đức	Ngừng hoạt động	UBND xã Minh Đức	2023
IV Huyện Bù Đăng								
5	CNSHTT thôn Phước Lộc, xã Phước Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 21/QĐ-SKHDT ngày 09/1/2009	Biên bản bàn giao ngày 01/9/2009, bàn giao sửa chữa năm 2017	UBND xã Phước Sơn	Ngừng hoạt động	UBND xã Phước Sơn	2015
6	CNSHTT xã Phú Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 27/2/2012	Biên bản bàn giao ngày 10/1/2013	UBND xã Phú Sơn	Ngừng hoạt động	UBND xã Phú Sơn	2019
7	CNSHTT xã Đức Liễu (thôn 2)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 554/QĐ-SKHDT ngày 30/5/2007	Biên bản bàn giao ngày 09/4/2009	UBND xã Đức Liễu	Ngừng hoạt động	UBND xã Đức Liễu	2012
V Huyện Bù Gia Mập								
8	CNSHTT thôn Tân Lập, xã Phú Nghĩa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 25/10/2011	Biên bản bàn giao số 02/BBBG ngày 01/2/2013	UBND xã Phú Nghĩa	Ngừng hoạt động	UBND xã Phú Nghĩa	2019
VI Huyện Đồng Phú								
9	CNSHTT xã Thuận Lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 24/2/2009	Biên bản bàn giao ngày 18/10/2012	UBND xã Thuận Lợi	Ngừng hoạt động	UBND xã Thuận Lợi	2019

2	CNSHTT khu tái định cư 10ha Nha Bích	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 2460 /QĐ-UBND ngày 06/12/2012	Quyết định số 04 /QĐ- UBND ngày 02/1/2024; Biên bản bàn giao số được lập 16/01/2024	UBND xã Nha Bích	Chưa hoạt động	UBND xã Nha Bích	Chưa đi vào hoạt động do người dân chưa đến khu tái định cư sinh sống
*	CÔNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ							
I	Huyện Bù Đăng							
1	CNSHTT thị trấn Đức Phong	UBND tỉnh	Quyết định số 2056/QĐ-UB ngày 29/10/2002	Biên bản bàn giao được lập ngày 22/12/2016	Công ty TNHH MTV dịch vụ thủy lợi BP	Bền vững	Công ty TNHH MTV dịch vụ thủy lợi BP	
		Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 2332a/QĐ-UBND ngày 23/11/2012					

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
THÀNH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 02
VIỆC TRIỂN KHAI CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG, UBND TỈNH
(Kèm theo Kết luận số 04/KL-T.Tr ngày 04/4/2025 của Chánh Thanh tra)

Số TT	Đơn vị	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung	Ghi chú
I	Huyện Bù Gia Mập	Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	
II	Huyện Hớn Quản	Không	
III	Huyện Lộc Ninh	- Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước. - Công văn số 378/UBND-KT ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. - Công văn số 2421/UBND-KT ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Công văn số 4546/BN-TCCTL ngày 02/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo thực hiện nội dung cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.	



		- Công văn số 3229/UBND-KT ngày 20/10/2022 về việc triển khai Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022. - Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (Sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC). - Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh Bình Phước quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013.	
IV	Huyện Bù Đốp	- Công văn số 378/UBND-KT ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. - Công văn số 2421/UBND-KT ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Công văn số 4546/BNN-TCTL ngày 02/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo thực hiện nội dung cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. - Công văn số 3229/UBND-KT ngày 20/10/2022 về việc triển khai Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.	
V	Huyện Đồng Phú	- Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh Bình Phước quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013.	

- Công văn số 378/UBND-KT ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. - Công văn số 2421/UBND-KT ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Công văn số 4546/BNN-TCTL ngày 02/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo thực hiện nội dung cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. - Công văn số 3229/UBND-KT ngày 20/10/2022 về việc triển khai Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.	- Nghị định số 117/2007/NĐCP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. - Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP. - Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (hết hiệu lực từ ngày 01/02/2023). - Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (có hiệu lực từ ngày 08/8/2022). - Công văn số 3873/UBND-KT ngày 03/9/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các quy định của Luật Tài nguyên nước liên quan đến lĩnh vực "sản xuất, cung cấp nước sạch".	Thị xã Chơn Thành
VII	Thị xã Bình Long	Không

	- Công văn số 378/UBND-KT ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. - Công văn số 2421/UBND-KT ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Công văn số 4546/BNN-TCTL ngày 02/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo thực hiện nội dung cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. - Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025. - Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 triển khai thực hiện theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án: Nâng cấp và phát triển hệ thống thủy lợi, khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. - Công văn số 2593/UBND-KT ngày 19/9/2022 về việc triển khai các kiến nghị tại Báo cáo số 50/BC-HĐND-KTNS ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.	
VIII	Huyện Bù Đăng	

PHỤ LỤC SỐ 03

**Nguyên nhân công trình CNSHNTTT Tân Lập,
huyện Đồng Phú chưa được bàn giao**

(Kèm theo Kết luận số 04/KL-T.Tr ngày 04/4/2025 của Chánh Thanh tra)

Năm 2012, công trình xã Tân Lập, huyện Đồng Phú được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng tại Biên bản số 01/BB-NTHT ngày 25/01/2012 và Biên bản số 02/BB-NTHT ngày 02/02/2012. Công trình do Ban QLCDA NS&VSMT nông thôn trực thuộc Sở NN&PTNT được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư và được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 92/QĐ-STC ngày 21/7/2020 của Sở Tài chính.

Sau khi công trình xây dựng xong, Ban Quản lý CDANS&VSMTNT (trực thuộc Sở NN&PTNT) ban hành Công văn số 37/BQLNS ngày 06/4/2012 về việc tạm bàn giao việc quản lý, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Lập, huyện Đồng Phú cho Công ty TNHH xây dựng Hồng Long (là một trong hai đơn vị thi công công trình) trong thời gian chờ làm thủ tục bàn giao theo hình thức xã hội hóa.

Trên cơ sở đó, Công ty TNHH xây dựng Hồng Long ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần TV&XD Miền Nam (đơn vị cùng thi công công trình với Công ty TNHH xây dựng Hồng Long). Do đó, từ năm 2012 đến nay, công trình do Công ty Cổ phần TV&XD Miền Nam quản lý, vận hành, khai thác công trình. Hiện công trình hoạt động tốt.

1. Về việc văn bản chính sách thay đổi liên tục

- Để triển khai thực hiện đúng các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia quản lý vận hành công trình cấp nước sinh hoạt tập trung theo quy định hiện hành của nhà nước, Sở Nông nghiệp & PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn tỉnh Bình Phước (được sửa đổi tại Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013).

- Ngày 03/10/2013, trên cơ sở tham mưu của Sở NN&PTNT, UBND tỉnh ban hành Công văn số 3179/UBND-KTN về thuận chủ trương xã hội hóa công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung xã Tân Lập, huyện Đồng Phú.

- Đến tháng 4/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 về việc phê duyệt danh mục kêu gọi đầu tư giai đoạn 2014-2015 và các văn bản hướng dẫn chi tiết của Trung ương về công tác xã hội hóa. Thời điểm



này, Liên bộ NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT/BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 quy định về quản lý công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017).

- Cùng thời gian này, các quy định về chính sách khuyến khích đầu tư (Quyết số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013; Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 về việc sửa đổi một số điều của Quyết số 24/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013) của UBND tỉnh không còn phù hợp và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bãi bỏ tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh.

Do đó, giai đoạn 2013-2017 không triển khai thực hiện việc xã hội hóa đối với công trình này. Sở NN&PTNT và Ban QLDA ngành NN&PTNT cũng không tiến hành các thủ tục bàn giao công trình theo đúng quy định trước khi thực hiện công tác xã hội hóa.

2. Giai đoạn 2018-2020

- Ngày 21/6/2017, Quốc Hội thông qua Luật số 15/2017/QH14 về quản lý, sử dụng tài sản công thì một số nội dung quy định trong thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính một số nội dung lại cần xem xét, điều chỉnh bổ sung.

- Ngày 19/7/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND và Nghị Quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh để kêu gọi đầu tư.

- Ngày 17/01/2018, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục có Công văn số 158/VPUBND-KT về việc xã hội hóa dự án cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước: Đề nghị Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp các ngành liên quan, UBND huyện Đồng Phú tham mưu UBND tỉnh giải quyết theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3179/UBND-KTN ngày 03/10/2013.

- Từ đó, Sở NN&PTNT đã triển khai việc thực hiện xã hội hóa cụ thể: Thực hiện kiểm tra hiện trạng công trình (biên bản làm việc ngày 15/5/2018). Xây dựng phương án và được thẩm định tại báo cáo số 135/BC-TL ngày 18/6/2018 của Chi cục Thủy lợi. Trên cơ sở đó, Sở NN&PTNT ban hành Quyết định số 452/QĐ-SNN ngày 12/10/2018 về việc Thành lập tổ soạn thảo xây dựng đề án quy định việc kêu gọi và lựa chọn doanh nghiệp tư nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo hình thức xã hội hóa. Tổ soạn thảo xây dựng đề án đã tiến hành họp thông qua dự thảo nhiều lần nhưng qua nghiên cứu và tham khảo ý kiến từ cơ quan quản lý

cấp trên, các địa phương khác, đến tháng 10/2018, Sở nhận được thông tin của Cục Công sản-Bộ Tài chính trả lời Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh tại Công văn số 102/QLCS-TSHT ngày 10/10/2018, theo đó Cục Công sản - Bộ Tài chính đề nghị Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh trước mắt không thực hiện giao điều chỉnh hình thức khai thác, các hình thức xử lý (điều chuyển cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng thanh lý công trình theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính cho đến khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Đến ngày 25/8/2020, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 10253/BTC-QLCS về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và khai thác công trình nước sạch nông thôn tập trung; theo đó, Bộ Tài chính đề nghị các địa phương giữ nguyên hiện trạng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung cho đến khi có Nghị định mới của Chính phủ quy định về quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

Do đó, giai đoạn này, dự thảo về Đề án quy định việc kêu gọi và lựa chọn doanh nghiệp tư nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo hình thức xã hội hóa đã được họp thông qua nhiều lần nhưng không thống nhất để trình phương án xã hội hóa cho UBND tỉnh.

3. Do có thay đổi về nhân sự trong Ban lãnh đạo Sở NN&PTNT qua các thời kỳ; đồng thời, các công chức thực hiện chuyển cơ quan liên tục nên mất nhiều thời gian để nghiên cứu phương án giao công trình phù hợp với các quy định về bàn giao tài sản nhà nước cho doanh nghiệp tư nhân.

4. Ngoài các khó khăn nêu trên, việc áp dụng thí điểm mô hình giao công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung xã Tân Lập theo hình thức xã hội hóa, do lần đầu thực hiện nên đơn vị tham mưu chưa có kinh nghiệm và gặp nhiều khó khăn trong công tác bàn giao tài sản nhà nước cho doanh nghiệp tư nhân quản lý.



PHỤ LỤC SỐ 04
BẢNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, NÂNG CẤP
(Kèm theo Kết luận số 04/KL-T.Tr ngày 04 / 4 /2025 của Chánh Thanh tra)

STT	Tên tài công trình	Đơn vị sử dụng	Năm sửa chữa, nâng cấp	Giá trị sửa chữa (đồng)	Giá trị đầu tư mở rộng mạng ống cấp nước	Quy mô		Đơn vị thực hiện
						Sửa chữa	Mở rộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Rừng Cẩm	Nhà máy nước Rừng Cẩm	2024	172,519,200		Sửa chữa thay thế máy bơm cấp 2		Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
2	Công trình cấp nước TT liên xã Lộc Thái và Lộc Hưng		2023	104,078,000	768,744,000	Sửa chữa trạm bơm tăng áp đường Nguyễn Tất Thành năm 2022	Đầu tư mở rộng các tuyến ống cấp nước hộ dân năm 2023, 2024	Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
3	Cấp nước SHTT xã Thiện Hưng	Trạm TN - CN Bù Đốp	2022	41,725,000		- Sửa chữa bể lọc công trình cấp nước Thiện Hưng - Sửa chữa giếng khoan		Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
4	Công trình cấp nước Tập Trung Bù Gia Mập (Bù Dên)	Trạm cấp nước Bù Dên	2024	82,215,054			Nạo vét hồ chứa nước thô đầu nguồn chống hạn 2024	Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước

5	Công trình cấp nước Bù Già Mập (Bù Lư)	Trạm cấp nước Bù Già Mập	2024	85,477,021			Nạo vét hồ chứa nước thô đầu nguồn chống hạn 2024	Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
6	Công trình cấp nước Đa Bông Cua	Trạm CN Đa Bông Cua	2022	189,175,818		Sửa chữa bể lắng lọc năm 2022	Sửa chữa đài nước, cụm xử lý, trạm bơm cấp 2	Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
7	Công trình cấp nước Tà Thiết (Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư các hộ đồng bào dân tộc Dự án thủy lợi Phước Hòa	Trạm cấp nước Tà Thiết		60,000,000			Thay máy bơm cấp 2 và máy bơm thổi khí. Khoan giếng vaanh hành bảo trì mùa nắng do nước hồ cạn không chảy vào hồ thu trạm bơm cấp 1	Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
8	Công trình cấp nước SHTT xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	Trạm cấp nước Bù Đốp	2022	145,211,000		Sửa chữa giếng khoan 2021		Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
9	Công trình cấp nước SHTT xã Minh Hung, huyện Bù Đang	Trạm cấp nước Minh Hung	2023	508,273,600		Sửa chữa bể lắng, nhà kho hoá chất, thay thế máy bơm cấp 1	Mở rộng 3 tuyến ống cấp nước hộ dân 2023-2024	Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
10	Trạm Cấp nước Hồ Ông Thoạii (Nghĩa Trung)	Trạm cấp nước Hồ ông Thoạii	2023	496,000,000		Sửa chữa hệ thống lọc năm 2023		Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
11	Công trình cấp nước Thọ Sơn	Trạm DVTL Bù Đang	2023				Đầu tư mở rộng 2 tuyến ống cấp nước hộ dân	Công ty TNHH MTV DV thủy lợi Bình Phước
TỔNG CỘNG				1,884,674,693	1,916,248,530			

PHỤ LỤC SỐ 05
KẾT QUẢ KIỂM TRA HIỆN TRẠNG 15 CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN TẬP TRUNG
(Kèm theo Kết luận số 04/KL-T.Tr ngày 04/ 4 /2025 của Chánh Thanh tra)

STT	Tên dự án	Nhà quản lý, vận hành	Tường rào, cổng, sân nền	Đài nước (chân đài, bồn nước, cầu thang)	Trạm bơm cấp II	Bể chứa nước sạch	Hệ thống hóa chất	Hệ thống điện	Hệ thống xử lý	Nguồn nước	Ghi chú
I	THỊ XÃ BÌNH LONG										
1	Công trình cấp nước SHTT ấp Sóc Bé, xã Thanh Phú	Còn hiện hữu	Còn một phần	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu (máy bơm cấp II đã hư hỏng)	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 03 giếng khoan	Ngừng hoạt động
2	Công trình cấp nước SHTT xã Thanh Phú	Còn hiện hữu. Cửa sổ nhà quản lý bị thất lạc	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Không có hạng mục xây dựng	Còn hiện hữu	Không có hạng mục xây dựng	Trạm trung chuyển	Ngừng hoạt động
II	THỊ XÃ CHƠN THÀNH										
3	Công trình cấp nước SHTT phục vụ khu TĐC 10ha - DA TLPH	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 03 giếng khoan	Chưa đưa vào sử dụng
4	Công trình cấp nước SHTT xã Nha Bích	Đã sửa chữa thành nhà ở Công an xã	Còn một phần	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Thất lạc	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 02 giếng khoan	Ngừng hoạt động
5	Công trình cấp nước SHTT xã Minh Long	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 02 giếng khoan	Ngừng hoạt động
III	HUYỆN HÓN QUẢN										
6	Công trình cấp nước SHTT xã Minh Đức	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 02 giếng khoan	Ngừng hoạt động
IV	HUYỆN BÙ ĐÓP										
7	Công trình cấp nước SHTT xã Phước Thiện	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 02 giếng khoan	Ngừng hoạt động



V HUYỆN BÙ ĐĂNG											
8	Công trình cấp nước SHTT thị trấn Đức Phong	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Lấy nước trực tiếp từ hồ	HĐ bền vững
9	Công trình cấp nước SHTT xã Đức Liễu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Thất lạc	Còn hiện hữu	03 giếng khoan bị san lấp không còn hiện hữu	Ngừng hoạt động
10	Công trình cấp nước SHTT ấp Phước Lộc, xã Phước Sơn	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Thất lạc	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 01 giếng khoan	Ngừng hoạt động
11	Công trình cấp nước SHTT xã Phú Sơn	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Lấy nước trực tiếp từ hồ	Ngừng hoạt động
VI HUYỆN BÙ GIA MẬP											
12	Công trình cấp nước SHTT xã Phú Nghĩa	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 02 giếng khoan	Ngừng hoạt động
VII HUYỆN ĐỒNG PHÚ											
13	Công trình cấp nước SHTT xã Tân Phước	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn 03 giếng khoan	Ngừng hoạt động. Các máy bơm cấp I bị thất lạc
14	Công trình cấp nước SHTT xã Thuận Lợi	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu. Tụ điện kế đã thất lạc	Còn 01 giếng khoan	Ngừng hoạt động
VIII HUYỆN LỘC NINH											
15	Công trình cấp nước SHTT phục vụ khu TĐC DBDT - TLPH	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Còn hiện hữu	Lấy nước trực tiếp từ hồ	Chưa đưa vào sử dụng

*Ghi chú:

- Đoàn chỉ kiểm tra bằng thẻ bằng mắt thường, kiểm tra một số hạng mục chính còn hiện hữu, về thông số kỹ thuật thì không thể kiểm tra chi tiết.
- Trạm bơm cấp I nằm dưới giếng khoan và mạng lưới đường ống không kiểm tra bằng mắt thường được.